

Phụ lục I

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỜNG: THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN
TỔ: NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TIẾNG ANH, KHỐI LỚP 12 NĂM HỌC 2026- 2027

I. Đặc điểm tình hình

- Số lớp:** 12; **Số học sinh:**; **Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):**
- Tình hình đội ngũ:** **Số giáo viên:**; **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng: Đại học:.....; Trên đại học:.....
Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ¹: Tốt:.....; Khá:.....; Đạt:.....; Chưa đạt:.....
- Thiết bị dạy học:** (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1				
2				
3				
...				
...				

¹ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

II. Kế hoạch dạy học²

1. Phân phối chương trình

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt
1	UNIT 1: LIFE STORIES WE ADMIRE	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • identify and pronounce the diphthongs /eɪ/ and /əʊ/ in words and sentences;	1.1NC1a: Xác định được nhu cầu thông tin (tìm kiếm hình ảnh, tư liệu về nhân vật nổi tiếng).
		Language	1 tiết	• understand and use phrases related to life stories; • use the past simple and the past continuous correctly; • read for main ideas and specific information in an article about	5.3NC1a: Sử dụng các công cụ số (từ điển online, app phát âm) để tra cứu phiên âm và nghĩa từ vựng.
		Reading	1 tiết	Steve Jobs' life and achievements; • talk about the lives of two national heroes of Viet Nam;	1.1NC1b: Áp dụng kỹ thuật tìm kiếm để lấy dữ liệu bổ sung về tiểu sử nhân vật (Steve Jobs).
		Speaking	1 tiết	• listen for main ideas and specific information in a talk about Walt Disney's life; • synthesise and summarise information from different sources to write a biography of Walt Disney's life;	2.2NC1b: Hướng dẫn người khác đóng vai trò trung gian để chia sẻ câu chuyện về nhân vật lịch sử qua công cụ số.
		Listening	1 tiết	• express pleasure and respond to it; • learn about the lives and achievements of three famous queens in	1.2NC1a: Đánh giá độ tin cậy của nguồn tin khi nghe về tiểu sử Walt Disney.
		Writing	1 tiết	world history;	3.3NC1a: Áp dụng các quy

² Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn

				• design a visual story of a person's life and present it to the class.	định về bản quyền khi tổng hợp thông tin viết tiểu sử.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết		2.5NC1c: Áp dụng các khía cạnh đa dạng về văn hóa và thể hệ khác (khi tìm hiểu về các nữ hoàng thế giới).
		Looking back & Project	1 tiết		3.1NC1b: Chỉ ra được những cách thể hiện bản thân thông qua việc tạo ra nội dung số (Thiết kế câu chuyện trực quan - Visual Story).
2	UNIT 2: A MULTICULTURAL WORLD	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • identify and pronounce the diphthongs /ɔɪ/, /aɪ/, and /əʊ/ in words and sentences; • understand and use words related to cultural diversity; • use definite and indefinite articles correctly; • read for main ideas and specific information in an article about globalisation and cultural diversity; • discuss and plan a Cultural Diversity Day; • listen for people's attitudes and specific information in an interview about Halloween in Viet Nam; • write an opinion essay on the impact of world festivals on young Vietnamese people; • make introductions and respond to them; • identify the concept and examples of culture shock; • do research on a country's culture and give a group presentation about it. • talk about the different generations of a family; start a conversation and discussion; • listen for specific information in a conversation about family conflicts;	1.1NC1a: Xác định nhu cầu thông tin về sự đa dạng văn hóa.
		Language	1 tiết		5.3NC1a: Sử dụng công cụ số hỗ trợ học ngữ pháp (mạo từ).
		Reading	1 tiết		2.5NC1b: Nhận thức các chuẩn mực hành vi khi tiếp cận thông tin về toàn cầu hóa trên mạng.
		Speaking	1 tiết		2.4NC1a: Đề xuất công cụ số để hợp tác lên kế hoạch cho Ngày hội đa dạng văn hóa.
		Listening	1 tiết		1.2NC1b: Đánh giá quan điểm/thái độ từ các nguồn dữ liệu nghe (về lễ hội Halloween).
		Writing	1 tiết		3.1NC1a: Soạn thảo văn bản số (bài luận) về tác động của lễ hội.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết		2.5NC1a: Nhận thức được các chuẩn mực hành vi và kiến thức khi tương tác đa văn hóa (Culture shock).
		Looking back & Project	1 tiết		1.1NC1d: Tự đề xuất chiến lược tìm kiếm thông tin văn hóa các nước.

				• write an opinion essay about limiting teenagers' screen time; • understand the generation gap in Asian American families; • carry out a survey to find out generational differences in families and give a group presentation about them.	3.2NC1a: Tích hợp thông tin đa phương tiện vào bài thuyết trình nhóm.
3	UNIT 3: GREEN LIVING	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • identify and pronounce the diphthongs /ɪə/, /eə/, and /ʊə/ in words and sentences; • understand and use words and phrases related to green living; • use verbs with prepositions correctly; • use relative clauses to refer to a whole sentence correctly; • read for main ideas and specific information in emails about going green with plastics; • discuss ways to reduce, reuse, and recycle paper and express opinions; • listen for main ideas, specific information, and instructions in a conversation about creating a compost pile; • write a problem-solving report to suggest green solutions; • make predictions; • recognise festival traditions that are not friendly environmentally and suggest solutions; • design a leaflet promoting an eco-friendly habit and present it to the class.	4.4NC1a: Nhận thức tác động của công nghệ số và sử dụng công nghệ số đối với môi trường (Green living).
		Language	1 tiết		5.3NC1a: Sử dụng ứng dụng học tập để luyện phát âm.
		Reading	1 tiết		1.3NC1a: Tổ chức, lưu trữ thông tin về môi trường từ email/bài đọc.
		Speaking	1 tiết		2.1NC1a: Tương tác thông qua các công nghệ số để thảo luận giải pháp xanh.
		Listening	1 tiết		1.1NC1c: Chỉ cho người khác cách truy cập dữ liệu hướng dẫn (làm phân hữu cơ).
		Writing	1 tiết		3.1NC1a: Tạo và chỉnh sửa báo cáo giải pháp trên phần mềm soạn thảo.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết		5.1NC1b: Xác định các vấn đề kỹ thuật/môi trường khi vận hành thiết bị số (liên hệ rác thải điện tử nếu có).
		Looking back & Project	1 tiết		3.1NC1b: Thiết kế tờ rơi điện tử (Leaflet) để thể hiện ý tưởng sống xanh. 5.3NC1b: Sáng tạo sản phẩm truyền thông số.

4	REVIEW 1	Language	1 tiết	Review 1 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 1-3, and providing exam practice by following question formats used in the National Upper-secondary School Exam Paper. The review can be taught in three lessons, e.g. 1: Language, 2: Listening and speaking skills, 3: Reading and writing skills. Teachers can also choose to give some activities for homework and spend less time on the review in class. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1a: Chứng minh được NLS của tôi cần được cải thiện hoặc cập nhật ở đâu (Tự đánh giá qua ôn tập).
		Skills (1)	1 tiết		1.3NC1b: Triển khai việc tổ chức và sắp xếp dữ liệu ôn tập trên máy tính/đám mây.
		Skills (2)	1 tiết		4.2NC1a: Áp dụng các cách thức khác nhau để bảo vệ dữ liệu cá nhân (trong quá trình làm bài tập online).
5	MID-TERM TEST		1 tiết		4.1NC1c: Bảo vệ thiết bị và nội dung số, hiểu rõ rủi ro trong môi trường thi cử số hóa (nếu thi máy).
6	UNIT 4: URBANISATION	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • identify and pronounce unstressed words in connected speech; • understand and use words related to urbanisation; • use the present perfect with It/This/That ... the first/best ... correctly; • use double comparatives to show change correctly; • read for main ideas and specific information in an article about the urbanisation of Ha Noi; • talk about the changes in a living area; • listen for main ideas and specific information in a radio talk about urbanisation; • describe a line graph about trends in urbanisation; • make complaints and respond to them; • understand urbanisation in Malaysia and Australia; • do some research on an urban area in Viet Nam and give a group presentation about it.	1.1NC1a: Tìm kiếm dữ liệu hình ảnh/bản đồ số về đô thị hóa.
		Language	1 tiết		5.3NC1a: Sử dụng công cụ số để tra cứu ngữ pháp nâng cao.
		Reading	1 tiết		1.2NC1b: So sánh thông tin đô thị hóa từ bài đọc với thực tế trên bản đồ số (Google Maps).
		Speaking	1 tiết		2.2NC1a: Chia sẻ thông tin thay đổi nơi sống qua hình ảnh/video số.
		Listening	1 tiết		1.1NC1b: Lọc dữ liệu nghe được để nắm bắt xu hướng.
		Writing	1 tiết		3.1NC1a: Tạo nội dung số mô tả biểu đồ (Excel/Word).
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết		2.3NC1a: Tìm kiếm đề xuất các dịch vụ số công cộng tại các đô thị hiện đại.

		Looking back & Project	1 tiết		1.1NC1d: Tự đề xuất chiến lược tìm kiếm thông tin về một khu đô thị. 2.4NC1a: Hợp tác nhóm thiết kế bài trình chiếu.
7	UNIT 5: THE WORLD OF WORK	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • identify and pronounce stressed auxiliary and modal verbs in connected speech; • understand and use words and phrases related to work; • use simple, compound, and complex sentences correctly; • read for main ideas, specific information and inference in job advertisements; • give opinions about different jobs; • listen for main ideas and specific information in a phone conversation about a job vacancy; • write a job application letter; • express anxiety and respond to it; • recognise some unusual jobs around the world; • do research on suitable part-time jobs for students and present the information to the class.	1.1NC1a: Tìm kiếm thông tin việc làm trên các nền tảng số.
		Language	1 tiết		5.3NC1a: Ứng dụng công nghệ hỗ trợ học từ vựng chuyên ngành.
		Reading	1 tiết		1.2NC1a: Đánh giá độ tin cậy của các quảng cáo tuyển dụng trực tuyến.
		Speaking	1 tiết		2.1NC1b: Lựa chọn phương tiện giao tiếp số phù hợp cho phỏng vấn/trao đổi công việc.
		Listening	1 tiết		1.3NC1a: Lưu trữ thông tin tuyển dụng quan trọng.
		Writing	1 tiết		3.1NC1a: Soạn thảo thư xin việc định dạng chuẩn qua email/file mềm.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết		2.6NC1a: Quản lý danh tính số chuyên nghiệp (liên hệ LinkedIn/Profile xin việc).
		Looking back & Project	1 tiết		5.2NC1a: Đánh giá nhu cầu cá nhân để tìm kiếm việc làm thêm phù hợp trên mạng.
8	REVIEW 2	Language	1 tiết	Review 2 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 4-5, and providing exam practice by following question formats used in the National Upper-secondary School Exam Paper.	5.4NC1b: Minh họa được những cách khác nhau để hỗ trợ bạn bè ôn tập (qua nhóm chat/drive).
		Skills (1)	1 tiết	The review can be taught in three lessons, e.g. 1: Language, 2: Listening and speaking skills, 3:	1.3NC1b: Sắp xếp dữ liệu kỹ năng nghe/đọc đã học.

		Skills (2)	1 tiết	Reading and writing skills. Teachers can also choose to give some activities for homework and spend less time on the review in class. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	3.1NC1b: Thể hiện sự tiến bộ qua bài viết tổng hợp.
9	REVISION	Revision for end-of term test	1 tiết		5.4NC1a: Tự đánh giá năng lực kiến thức chuẩn bị thi.
10	END-TERM TEST		1 tiết		4.2NC1b: Bảo vệ dữ liệu cá nhân và tuân thủ quy chế thi.
11	Feedback and correction		1 tiết		5.4NC1c: Đề xuất cơ hội phát triển bản thân từ kết quả thi.
12	In reserve		1 tiết		
13	UNIT 6: ARTIFICIAL INTELLIGENCE	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • identify and pronounce homophones in connected speech; • understand and use words and phrases related to science and technology; • use active and passive causatives correctly; • read for specific information in an article about AI applications in education; • discuss applications of AI in education; • listen for specific information and instructions for operating a home robot; • write an essay about the advantages and disadvantages of home robots; • get attention and interrupt; • understand the evolution of robots; • research or design a new AI application in our daily lives and give a group presentation about it.	6.1NC1a: Hiểu được cách AI ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày (Giáo dục, Robot).
		Language	1 tiết		5.3NC1a: Sử dụng công cụ số/AI hỗ trợ học tập (ChatGPT, Grammarly... làm ví dụ).
		Reading	1 tiết		6.1NC1a: Phân tích vai trò của AI trong các ứng dụng giáo dục qua bài đọc.
		Speaking	1 tiết		6.1NC1b: So sánh các hệ thống AI khác nhau và cách chúng xử lý dữ liệu (khi thảo luận).
		Listening	1 tiết		6.2NC1a: Hiểu rõ ứng dụng thực tế của AI (Robot gia đình).
		Writing	1 tiết		3.1NC1a: Soạn thảo văn bản số về ưu/nhược điểm công nghệ.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết		6.3NC1a: Đánh giá và lọc được thông tin về lịch sử phát triển Robot.
		Looking back & Project	1 tiết		6.2NC1b: Đề xuất ý tưởng ứng dụng AI giải quyết vấn đề thực

					tế. 5.3NC1b: Sáng tạo thiết kế ứng dụng mới.
14	UNIT 7: THE WORLD OF MASS MEDIA	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • identify and pronounce linking /r/ between two vowels; • understand and use words and phrases related to the mass media; • use adverbial clauses of manner and result correctly; • read for main ideas, specific information, and the writer's views in an article comparing digital media and traditional media; • compare different types of mass media; • listen for specific information and attitudes towards fake news; • write a description of pie charts; • make small talk; • learn about two types of mass media used around the world; • prepare a comparison of two types of mass media and present it to the class.	1.2NC1a: Đánh giá độ tin cậy của các nguồn thông tin đại chúng.
		Language	1 tiết		5.3NC1a: Tra cứu thuật ngữ truyền thông.
		Reading	1 tiết		1.2NC1b: Phân tích, so sánh tin cậy giữa truyền thông số và truyền thông.
		Speaking	1 tiết		2.5NC1b: Áp dụng chiến lược giao tiếp/phản hồi thông tin trên mạng xã hội.
		Listening	1 tiết		1.2NC1a: Thực hiện đánh giá độ tin cậy, nhận biết tin giả (Fake news).
		Writing	1 tiết		3.1NC1a: Tạo nội dung số mô tả dữ liệu (biểu đồ tròn).
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết		2.3NC1b: Sử dụng công nghệ số thích hợp để tiếp cận thông tin toàn cầu.
		Looking back & Project	1 tiết		1.2NC1b: Tiến hành đánh giá, so sánh dữ liệu từ các loại hình truyền thông. 2.4NC1a: Hợp tác trình bày so sánh.
15	UNIT 8: WILD LIFE CONSERVATION	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • identify and use assimilation in connected speech to sound natural; • understand and use words related to conserving wildlife;	4.4NC1a: Nhận thức tác động của việc sử dụng công nghệ số đối với tuyên truyền bảo vệ môi trường.
		Language	1 tiết		5.3NC1a: Sử dụng từ điển số chuyên ngành sinh học.

		Reading	1 tiết	• use adverbial clauses of condition and comparison correctly; • read for main ideas and specific information in news items about wildlife conservation; • suggest activities for a wildlife conservation event; • listen for main ideas and specific information in a talk about the threats facing tigers; • write a problem-solving report on protecting tigers; • express concern; • understand the criteria on the International Union for Conservation of Nature (IUCN) Red List; • give a poster presentation about an endangered species.	1.1NC1b: Tìm kiếm tin tức bảo tồn trên báo điện tử.
		Speaking	1 tiết		2.3NC1a: Đề xuất các dịch vụ số/chiến dịch online để tham gia bảo tồn.
		Listening	1 tiết		1.3NC1a: Lưu trữ thông tin về các loài nguy cấp.
		Writing	1 tiết		3.1NC1a: Soạn thảo báo cáo giải pháp trên máy tính.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết		1.1NC1c: Chỉ cho người khác cách truy cập dữ liệu Sách Đỏ (IUCN) online.
		Looking back & Project	1 tiết		3.1NC1b: Thiết kế Poster điện tử về loài nguy cấp. 3.3NC1a: Áp dụng quy định bản quyền hình ảnh động vật.
16	REVIEW 3	Language	1 tiết	Review 3 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 6–8, and providing exam practice by following question formats used in the National Upper-secondary School Exam Paper. The review can be taught in three lessons, e.g. 1: Language, 2: Listening and speaking skills, 3: Reading and writing skills. Teachers can also choose to give some activities for homework and spend less time on the review in class. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1a: Xác định NLS cần cải thiện sau chuỗi bài về công nghệ và truyền thông.
		Skills (1)	1 tiết		1.3NC1b: Hệ thống hóa kiến thức ôn tập.
		Skills (2)	1 tiết		3.1NC1b: Thực hành viết/nói tổng hợp có hỗ trợ công nghệ.
17	MID-TERM TEST		1 tiết		4.2NC1a: Bảo vệ dữ liệu và liêm chính học thuật trong kiểm tra.

18	UNIT 9: CAREER PATHS	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • use sentence stress appropriately to speak with a natural rhythm; • understand and use words related to choosing a career path; • use three-word phrasal verbs correctly; • read for main ideas and specific information in an article about things to consider when choosing a career path, and understand text structure; • talk about the things to consider when following different career paths; • listen for main ideas and specific information in a conversation about a career in teaching; • write a curriculum vitae (CV); • ask for and give clarification; • understand in-demand careers for the future; • do a survey on school-leavers' career plans and report it to the class.	5.2NC1a: Đánh giá nhu cầu bản thân và xác định giải pháp công nghệ hỗ trợ chọn nghề.
		Language	1 tiết		5.3NC1a: Tra cứu thông tin hướng nghiệp online.
		Reading	1 tiết		1.2NC1b: Đánh giá thông tin tư vấn nghề nghiệp trên mạng.
		Speaking	1 tiết		2.1NC1a: Tương tác thảo luận nghề nghiệp.
		Listening	1 tiết		1.1NC1a: Xác định nhu cầu thông tin về nghề nghiệp cụ thể.
		Writing	1 tiết		2.6NC1b: Tạo và quản lý danh tính số chuyên nghiệp thông qua viết CV.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết		1.1NC1d: Tự đề xuất chiến lược tìm kiếm xu hướng nghề nghiệp tương lai.
		Looking back & Project	1 tiết		2.6NC1c: Sử dụng dữ liệu khảo sát tạo ra thông qua công cụ (Google Form) để báo cáo.
19	UNIT 10: LIFE LONG LEARNING	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • use appropriate rising and falling intonation in questions; • understand and use phrases related to lifelong learning; • use reported speech to report orders, requests, offers, and advice correctly; • read for main ideas and specific information in a head teacher's message to school-leavers; • talk about great role models for lifelong learning; • listen for main ideas and specific information in a talk about the challenges of lifelong learning;	5.2NC1c: Sử dụng cách thức khác nhau để điều chỉnh môi trường học tập số cá nhân (Lifelong learning).
		Language	1 tiết		5.3NC1a: Ứng dụng các nền tảng học tập trực tuyến (MOOCs, Coursera...).
		Reading	1 tiết		1.2NC1a: Đánh giá thông tin từ bài đọc.
		Speaking	1 tiết		2.2NC1b: Hướng dẫn người khác tìm kiếm tấm gương học tập trên mạng.
		Listening	1 tiết		1.1NC1b: Lọc dữ liệu về thách

		Writing	1 tiết	• synthesise and summarise information to write an article about the benefits and challenges of lifelong learning; • thank and accept thanks; • learn about one of the oldest university graduates; • create a leaflet about a lifelong learning habit and present it to the class.	thức học tập.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết		3.2NC1a: Sửa đổi, tinh chỉnh và tích hợp thông tin để viết bài báo online.
		Looking back & Project	1 tiết		2.5NC1c: Áp dụng khía cạnh đa dạng thể hệ trong học tập số. 3.1NC1b: Tạo tờ rơi số (Leaflet) về thói quen học tập. 5.3NC1b: Sáng tạo nội dung khuyến khích học tập.
20	REVIEW 4	Language	1 tiết	Review 4 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 9-10, and providing exam practice by following question formats used in the National Upper-secondary School Exam Paper. The review can be taught in three lessons, e.g: 1. Language, 2. Listening and speaking skills, 3. Reading and writing skills. Teachers can also choose to give some activities for homework and spend less time on the review in class. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1a: Tổng kết và đánh giá NLS cá nhân cuối cấp.
		Skills (1)	1 tiết		1.3NC1b: Tổ chức dữ liệu ôn tập tổng hợp.
		Skills (2)	1 tiết		3.1NC1b: Hoàn thiện kỹ năng tạo lập văn bản số.
21	REVISION	Revision for end-of term test	1 tiết		5.4NC1c: Đề xuất cơ hội phát triển bản thân/học tập suốt đời sau khi ra trường.
22	END-TERM TEST		1 tiết		4.2NC1b: Tuân thủ quy tắc bảo mật và liêm chính trong thi cử.
23	Feedback and correction		1 tiết		5.4NC1b: Minh họa cách sử dụng kết quả để cải thiện.
24	In reserve		1 tiết		
25	In reserve		1 tiết		
26	In reserve		1 tiết		
27	In reserve		1 tiết		

2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1			
2			
...			

(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.

(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1				
Cuối Học kỳ 1				
Giữa Học kỳ 2				
Cuối Học kỳ 2				

(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.

(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).

(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.

III. Các nội dung khác (nếu có):

.....

.....

.....

.....

.....

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

...., ngày tháng năm 20...
HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)